TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 942/2024/HS-PT
Ngày: 26-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa*:* ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 646/2024/TLPT- HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Tiến M; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Tiến M, sinh năm 1984, tại tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: nhà số B, ngách A, ngõ B, đường P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: viên chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M1, sinh năm 1963 và bà Hoắc Thị T, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1982 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 03-8-2023 đến ngày 16-10-2023, được tại ngoại - có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Tiến M*:* Luật sư Lê Mạnh C, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H - có mặt.

Bị hại: Ông Chu Kỳ D; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị Phương N1; địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7-2021, thông qua các mối quan hệ xã hội, Trương Thị Phương N1 quen biết với Lê Trần T1. Ngày 12-11-2021, T1 đến huyện K thăm N1, tại đây T1, N1 gặp và làm quen với ông Chu Kỳ D là giám đốc Công ty TNHH MTV T3, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn huyện K. T1 giới thiệu quen biết nhiều người có chức vụ quan trọng ở Trung ương, Quân khu E, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đ và có khả năng xin làm các dự án xây dựng của Bộ C1, Bộ Q.

Tháng 3-2022, ông D nghe được thông tin Ban Chỉ huy Quân sự huyện K chuẩn bị xây dựng trụ sở làm việc mới, vì vậy đã điện thoại nhờ T1 xin cho thực hiện dự án này. T1 nhờ N1 tìm hiểu thông tin dự án và cung cấp thông tin qua dư luận xã hội cho biết số tiền đầu tư, thực hiện dự án là 35.000.000.000 đồng. Sau đó, T1 liên hệ với Nguyễn Tiến M nhờ tìm hiểu dự án xây dựng trụ sở huyện đội Krông Nô có thật hay không. Thông qua các mối quan hệ xã hội và mạng Internet, M tìm hiểu và biết được cơ quan có thẩm quyền có chủ trương xây dựng trụ sở mới cho huyện đội Krông N2 và thông báo lại cho T1. Trên cơ sở những thông tin này, T1, M đã trao đổi và thống nhất cùng nhau lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông D, thông qua việc xin dự án xây dựng trụ sở huyện Đ, đồng thời thông báo cho ông D biết phải chi chi phí là khoảng 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, do công ty của ông D không đủ điều kiện tham gia xây dựng công trình quân sự, vì vậy T1 nhờ N1 giới thiệu bạn của N1 cho ông D, là ông Phạm Quốc T2 là Giám đốc Chi nhánh Công trình V1 để ông D đề nghị ông T2 sử dụng pháp nhân của Chi nhánh Công trình V1 tham gia đấu thầu, T1 sẽ xin cho công ty của ông T2 trúng thầu, sau khi trúng thầu, ông D và T2 cùng thực hiện dự án.

Tháng 3/2022, T1, D, N1 đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, gặp ông T2 bàn về việc sử dụng tư cách pháp nhân Chi nhánh Công trình V1, xin thực hiện dự án xây dựng trụ sở làm việc của huyện Đ. Tại đây, T1 trao đổi sẽ bảo đảm nhờ người quen trong quân đội để ông T2 tham gia vào xây dựng dự án, ngày 10/4/2022, M đã yêu cầu T1 thông báo cho ông D chuẩn bị tiền để T1 chuyển cho người có thẩm quyền quyết định việc đầu tư xây dựng dự án

Ngày 12-4-2022, ông D chủ động xin số tài khoản ngân hàng 5304205028475 của N1 và chuyển 875.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng S để nhờ N1 chuyển cho T1, đồng thời thông qua chuyển tiền này, để N1 xác nhận với ông T2 để ông T2 cùng đóng số tiền còn lại cho đủ 1.500.000.000 đồng xin tham gia dự án. Tuy nhiên, ông T2 chỉ đồng ý tham gia góp tiền xin dự án khi gặp được người có thẩm quyền quyết định hoặc phải xem được hồ sơ công trình thì ông T2 mới đồng ý chuyển tiền cho T1. Sau khi ông D chuyển tiền cho N1, N1 đã chuyển toàn bộ 875.000.000 đồng vào tài khoản 1111198356789 của T1, đồng thời N1 thông báo cho T1 biết ông T2 chưa góp tiền xin dự án, thì T1 gọi điện nói ông D chuyển tiếp cho T1 số tiền **145.000.000** đồng. Ngày 13-4-2022, T1 tiếp tục yêu cầu ông D chuyển tiếp **514.000.000** đồng vào tài khoản 1111198356789 của T1.

Sau khi nhận được 1.534.000.000 đồng do ông Dương c, T1 đã tiêu xài cá nhân hết 1.024.000.000 đồng còn lại 510.000.000 đồng, T1 chuyển cho M vào ngày 13-4-2022, gồm: đưa 10.000.000 đồng tiền mặt và chuyển vào tài khoản 12210000465577 của M với số tiền 500.000.000 đồng, M cũng đã tiêu xài cá nhân.

Kết luận giám định số: 1743/KL-KTHS ngày 30-10-2023 của Phân viện Khoa học Kỹ thuận hình sự tại Đà Nẵng kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm mẫu cần giám định; không xác định được có tiếng nói của Lê Trần T1, Nguyễn Tiến M trong các file ghi âm mẫu cần giám định hay không do mẫu so sánh không phù hợp; nội dung nói chuyện trong các file ghi âm mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản.

Vật chứng, đồ vật tài liệu thu giữ:

Thu giữ của của Lê Trần T1: 01 điện thoại di động Sam sung Galaxy ZFold2 5G, số Imei: 359820350432306, số Seri: R3CN816P5ZD, sim số: 0365.517.036 và 01 điện thoại Sam sung Galaxy A11, kiểu máy SM-A11SFIDS, số seri R9INS0CNELI, Imei 1: 355629111306822, Imei 2: 355630111306820, sim số: 0926757757 của Nguyễn Tiến M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng có số máy: MKVE2LL/A; số seri: F2LS73VLGRXS, sim số: 0822231111 và 01 điện thoại Sam sung, E: 357648101093511/01, Emei 2: 357649101093519/01, SN: R58M54ZHL4F, sim số 0822223118.

- Tạm giữ của ông Chu Kỳ D: 01 USB vỏ bằng nhựa màu đỏ, có quay bằng kim loại màu trắng, hiệu kington DT101 G2, dung lượng 08GB, bên trong chứa 01 file ghi âm cuộc gọi điện thoại.

- Tạm giữ của Dương Thị M2: 01 USB có dòng chữ Kington, mặt sau có dòng chữ DTSE9 4GB, màu bạc, bên trong lưu trữ 07 file ghi âm và 04 video; 01 USB màu bạc lưu giữ 01 file ghi âm "Võ - V - K" có độ dài 18 phút 30 giây.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Trần T1 và Nguyễn Tiến M phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Trần T1 12 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 28-06-2023.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Tiến M 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03-8-2023 đến ngày 16-10-2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2024, bị cáo Nguyễn Tiến M làm đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo vì các lý do như sau: bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; có hoàn cảnh khó khăn vì cha mẹ già không có khả năng lao động, phải điều trị ở bệnh viện ở xa, con còn nhỏ luôn đau ốm và bị cáo là lao động chính trong gia đình, trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc và bị hại đã có đơn xin bãi nại, xin giảm án cho bị cáo nên nên đề nghị được áp dụng thêm ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u, t, v và hai tình tiết khoản 2 điều 51 Bộ luật hình ưu để giảm án cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tiến M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn và bổ sung thêm đơn xin bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị hại Chu Kỳ D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có đủ căn cứ xác định Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Tiến M phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* là đúng pháp luật. Xét yêu cầu giảm hình phạt của bị cáo: bị cáo kháng cáo yêu cầu được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm u, t, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến M – *luật sư* Lê Mạnh C *trình bày:* không tranh luận về tội danh của bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo M đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt, bị cáo có bà ngoại là người có công với Cách mạng, nên đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội, bị cáo bị đình chỉ công tác, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bị cáo đồng ý với quan điểm của người bào chữa và không bào chữa, tranh luận gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã hối hận với hành vi của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập, lưu trong hồ sơ vụ án, được tranh tụng công khai, phù hợp

với các tình tiết, diễn biến khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định:

Từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 04 năm 2022, tại huyện K, tỉnh Đắk Nông, Lê Trần T1 cùng với Nguyễn Tiến M đưa ra thông tin gian dối là có khả năng xin cho ông Chu Kỳ D trúng thầu xây dựng trụ sở Huyện đội huyện K, với chi phí là 1.534.000.000 đồng. Sau khi nhận được 1.534.000.000 đồng từ ông D, T1 đã tiêu xài cá nhân 1.024.000.000 đồng và chuyển cho M 510.000.000 đồng nhưng cả hai không xin cho ông Chu Kỳ D trúng thầu xây dựng trụ sở Huyện đội huyện K.

Hành vi phạm tội của bị cáo M là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình đưa ra thông tin gian dối, tạo lòng tin để chiếm đoạt tiền của bị hại nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Nguyễn Tiến M về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình với mức án 8 năm tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo M

[2.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo M không vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tác động gia đình khắc phục thiệt hại, bị cáo M có bà ngoại là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên xử bị cáo M 08 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng.

[2.2] Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nên đề nghị được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 điều 51, Điều 52 Bộ luật hình sự để giảm án cho bị cáo nhưng như nhận định của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu thì các tình tiết giảm nhẹ này đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét và việc bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra đã được cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi tuyên xử bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của luật sư trình bày như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[2.3] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ hối hận về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo có cung cấp đơn xin bãi nại, giảm hình phạt cho bị cáo của bị hại ông Chu kỳ D1, đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm nên để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và nguyện vọng của bị hại, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt mà đáng lẽ ra bị cáo phải chịu.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Tiến M không phải chịu án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến M; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Tiến M.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến M phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Tiến M 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03-8-2023 đến ngày 16-10-2023.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Tiến M không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Thụy Vũ	**Lê Văn An**	**Nguyễn Thị Cúc**